TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số**: 93/**2023/HS-ST
Ngày: 26 - 9 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Giới- Hội nông dân huyện Đồng Phú

2. Bà Hoàng Thị Minh- Giáo viên Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện Đồng Phú.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Thanh Duy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú tham gia phiên tòa:*** Ông Bùi Anh Tuấn - Kiểm sát viên

Ngày 26/9/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 73/2023/TLST-HS ngày 29/6/2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử 71/2023/QĐXXST-HS ngày 08/9/2023 đối với các bị cáo:

1. Bùi Tấn T, sinh ngày 27/7/2008 tại Bình Phước; Tên gọi khác: TE; Nơi cư trú: Ấp Suối Đ, xã Tân H, huyện Đồng P, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn T, sinh năm 1986 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1987; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/5/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Thạch Quốc L, sinh ngày 26/8/2007 tại Bình Phước; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Ấp Suối D, xã Tân H, huyện Đồng P, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Khơ me; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha (không xác định được) và bà Thạch Thị Kim P, sinh năm 1978; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/5/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Đặng N, sinh ngày 10/02/2008 tại Tây Ninh; Tên gọi khác: B; Nơi cư trú: Khu phố 4, thị trấn Tân B, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1985; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/5/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Bùi Tấn T:

Ông Bùi Văn T, sinh năm 1986 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1987 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Suối Đ, xã Tân H, huyện Đồng P, tỉnh Bình Phước.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Thạch Quốc L:

Bà Thạch Thị Kim P, sinh năm 1978 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Suối D, xã Tân H, huyện Đồng P, tỉnh Bình Phước

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đặng N:

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1985 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Bàu D, xã Phước N, huyện Dương Minh C, tỉnh Tây Ninh.

- Người bào chữa cho bị cáo Bùi Tấn T, Thạch Quốc L:

Bà Vũ Thị Hải A- Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bình Phước (Có mặt).

Địa chỉ: Trần Hưng Đ, phường Tân P, thành phố Đồng X, tỉnh Bình Phước.

- Người bào chữa cho bị cáo Đặng N:

Bà Phan Thị V- Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bình Phước (Có mặt).

Địa chỉ: Trần Hưng Đ, phường Tân P, thành phố Đồng X, tỉnh Bình Phước.

- Bị hại:

Anh Nguyễn Thanh G, sinh ngày 19/3/2007 (Có yêu cầu vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Thuận P, xã Thuận P, huyện Đồng P, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1981 (Có yêu cầu vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Thuận P, xã Thuận P, huyện Đồng P, tỉnh Bình Phước.

Người bảo vệ quyền và L ích hợp pháp của bị hại:

Bà Trần Thị L - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bình Phước.

Địa chỉ: Trần Hưng Đ, phường Tân P, thành phố Đồng X, tỉnh Bình Phước.

- Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Minh T2, sinh ngày 23/9/2006 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 7, xã Tân L, huyện Đồng P, tỉnh Bình Phước

Người đại diện hợp pháp của anh T:

Ông Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1975 (Vắng mặt); bà Phạm Thị S, sinh năm 1973 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp 7, xã Tân L, huyện Đồng P, tỉnh Bình Phước

Chị Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 2003 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Suối D, xã Tân H, huyện Đồng P, tỉnh Bình Phước

Anh Nguyễn Đình D, sinh năm 1991 (Có yêu cầu vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố Bình T, phường Tân T, thành phố Đồng X, tỉnh Bình Phước.

- Người làm chứng:

Anh Đinh Văn K, sinh năm 2007 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn 3, xã Thống N, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 29/01/2023, Nguyễn Thanh G, N Minh T2 và Nguyễn Ngọc T1 đến nhà Bùi Tấn T tại ấp Suối Đ, xã Tân H, huyện Đồng P, tỉnh Bình Phước để G lấy số tiền 200.000đ mà T mượn trước đó. Do T chưa có tiền trả nên G, T2, T1 ở chơi tại nhà T. T cho G mượn 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu vàng để G sử dụng. Sau khi được T cho mượn điện thoại, G nảy sinh ý định chiếm đoạt đem đi cầm cố để trừ nợ và rủ T1 cùng thực hiện thì T1 đồng ý, G đưa điện thoại của T cho T1 giữ và T1 nói T2 chở đi về về trước còn G ở lại nhà T. Lúc này, T đòi G trả lại điện thoại thì G nói dối là T1 và T2 lấy điện thoại của T. T đi tìm T1 và T2 để lấy lại điện thoại nhưng không tìm được. Sau đó, G, T1, T2 đem điện thoại trộm cắp được của T đến tiệm cầm đồ Quang Minh 2 tại khu phố Bình T, phường Tân T, thành phố Đồng X cầm cố được 200.000 đồng rồi chia nhau tiêu xài hết.

Do nghi ngờ G lấy trộm điện thoại của mình và nhiều lần không liên lạc được với G để nói chuyện nên sáng ngày 07/5/2023, T rủ Thạch Quốc L và Đặng N đi tìm G để hỏi về việc lấy điện thoại của T thì L, N đồng ý. Sau đó, T nhờ T1 hẹn G uống cà phê tại khu vực trước Trường Trung học cơ sở Tân P thuộc phường Tân P, thành phố Đồng X để T nói chuyện. Khoảng 13 giờ 00 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô biển số 93MA- 017.77 chở L, N đến điểm hẹn thì gặp Đinh Văn K điều khiển xe mô tô biển số 93L1-242.44 chở G đến. Khi gặp, T hỏi G về chiếc điện thoại rồi dùng tay đánh G 01 cái còn N dùng mũ bảo hiểm hù

dọa G nhưng G không thừa nhận lấy trộm điện thoại của T nên T yêu cầu G đi về nhà T1 tại ấp Suối D, xã Tân H, huyện Đồng P để nói chuyện thì G đồng ý.

Khi đến nhà T1, do không gặp T1 ở nhà nên tất cả đi đến bãi đất trống gần nhà L tại ấp Suối D, xã Tân H để nói chuyện. Lúc này, N nắm cổ áo của G để T hỏi G về việc lấy trộm điện thoại của T nhưng G không thừa nhận lấy trộm nên T nhặt một cục đá gần đó rồi yêu cầu G đưa tay ra nhưng G không đồng ý thì N nắm tay của G, ép xuống đất để T dùng cục đá hù doạ đồng thời T dùng tay đánh vào chân G 02 cái. Thấy G vẫn không nhận lấy trộm điện thoại nên T bảo L vào nhà lấy 01 con dao bằng kim loại đưa cho T rồi T hù dọa chặt tay G, N đứng đằng sau túm cổ áo của G. T yêu cầu G đưa điện thoại của G cho T xem, G lấy chiếc điện thoại di động hiệu Realme C55, màu đen đưa cho T. Sau khi xem, thấy không phải điện thoại của mình bị mất nhưng T đưa điện thoại của G cho L và nói L đem đi cầm cố với số tiền 2.000.000đ để bù lại điện thoại của T bị mất. Sau đó, T yêu cầu K điều khiển xe mô tô chở L đem điện thoại của G đến cửa hàng điện thoại di động "ĐD" do anh Nguyễn Đình D làm chủ tại phường Tân T, thành phố Đồng X để cầm cố. Do anh D chỉ đồng ý cầm với số tiền 1.500.000đ, L gọi điện thoại, nói cho T biết thì T không đồng ý cầm cố nên L đem điện thoại về đưa cho T thì T yêu cầu G gọi điện thoại về cho bà Nguyễn Thị Thu T là mẹ của G để nói về việc G lấy trộm điện thoại của T và đem số tiền 2.000.000 đồng đến đưa cho T. Trong lúc G gọi điện thoại cho bà T thì N nhặt một bình hoa bằng sành đe dọa đánh G. Do sợ bị đánh nên G phải thừa nhận việc lấy trộm điện thoại của T và nói cho bà T nghe. Sau đó, bà T nói chuyện điện thoại với T, xin cho G khi nào đi làm có lương sẽ trả tiền cho T thì T đồng ý. T giữ điện thoại của G và yêu cầu G trong thời hạn 01 tháng phải trả tiền cho T thì T trả lại điện thoại. Sau đó, T và L đem điện thoại của G đến cửa hàng điện thoại di động "ĐD" cầm cố được 1.500.000đ cùng tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 09/5/2023, G đến Công an xã Tân Hưng trình báo sự việc. Quá trình điều tra, T, L, N đã thừa nhận hành vi của mình như trên.

Theo Kết luận định giá tài sản số 23 ngày 17/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản Tố tụng hình sự huyện Đồng Phú, kết luận: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme, model C55, màu đen, số imel 864213063969699 trị giá 3.672.000 đồng.

Theo Kết luận định giá tài sản số 26 ngày 05/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản Tố tụng hình sự huyện Đồng Phú, kết luận: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, chủng loại Iphone 6 plus (16gb), màu vàng trị giá 1.600.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 75/CT-VKS ngày 23/8/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước truy tố các bị cáo Bùi Tấn T, Thạch Quốc L

và Đặng N về tội "Cướp tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bùi Tấn T, Thạch Quốc L và Đặng N phạm tội "Cướp tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 168.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, các Điều 17, 50, 58, 90, 91 và Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Bùi Tấn T mức án từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù.

Xử phạt bị cáo Thạch Quốc L mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Xử phạt bị cáo Đặng N mức án từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng:

Trả lại cho bị cáo Bùi Tấn T 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng, số Imei 355679071819942; 1 điện thoại di động hiệu Samsung màu tím, số Imei 354700112935637;

Tịch thu, tiêu huỷ 01 con dao dài 31cm, cán bằng nhựa màu xanh dài 10cm, lưỡi bằng kim loại màu đen dài 21cm, bản lưỡi rộng 4,2cm; 01 cục đá, dạng đá tổ ong, kích thước không xác định, chiều dài nhất 11,5cm, phần rộng nhất 08cm và 11 mảnh vỡ bằng sành, màu cam, nhiều hình dạng không xác định.

Các bị cáo không tranh luận, không kêu oan.

Luật sư bào chữa cho bị cáo T, L tranh luận:

Về tội danh và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

Về hình phạt: Do các bị cáo còn tuổi còn nhỏ, trình độ học vấn thấp, bị hại có một phần lỗi, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, giá trị tài sản chiếm đoạt nhỏ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm h, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo T mức án 04 năm tù, bị cáo L mức án 03 năm 06 tháng tù.

Luật sư bào chữa cho bị cáo N tranh luận:

Về tội danh và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

Về hình phạt: Do bị cáo tuổi còn nhỏ, gia đình khó khăn, bố bị cáo mất sớm, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51, các Điều 54, 98 và 101 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo N mức án 03 năm tù.

Người bảo vệ quyền và L ích hợp pháp của bị hại tranh luận:

Về tội danh: Thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đồng Phú, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp nhau, phù hợp với nội dung đã khai nhận tại cơ quan điều tra, với lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo thừa nhận: những lời khai tại cơ quan điều tra là tự nguyện, đúng sự thật, không bị ép cung, mớm cung hoặc nhục hình; kết hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được làm rõ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy đủ căn cứ xác định:

Do nghi ngờ N Thanh G lấy trộm điện thoại của mình nên sáng ngày 07/5/2023, Bùi Tấn T đã rủ Thạch Quốc L và Đặng N đi tìm G để làm rõ sự việc trên, đồng thời, T nhờ N Ngọc Thảo hẹn gặp G đến khu vực trước trường THCS Tân Phú để nói chuyện. Khoảng 13 giờ 00 phút cùng ngày, Đinh Văn K chở G đến gặp nhóm của T để nói chuyện, khi gặp, T hỏi G về chiếc điện thoại và dùng tay đáng G nhưng G không thừa nhận việc lấy điện thoại của T nên T yêu cầu G về nhà Thảo để nói chuyện thì G đồng ý. Do sợ G không đi theo nên T nói N lên xe mô tô của K ngồi chung với G, còn T chở L đi về nhà Thảo. Do không gặp được Thảo nên tất cả đi đến bãi đất trông gần nhà L để hỏi G về việc lấy trộm điện thoại của T nhưng G vẫn không thừa nhận nên T nhặt 01 cục đá yêu cầu G đưa tay ra nhưng G không đồng ý nên N nắm tay của G ép xuống đất để T hù doạ đồng thời T dùng tay đánh vào chân G nhưng G vẫn không nhận nên T bảo L vào nhà lấy dao hù chặt tay G và yêu cầu G đưa điện thoại của G cho T xem, N đứng sau G túm cổ áo G, sau khi nhận điện thoại của G, T đưa điện thoại cho L và nói L đi cầm cố lấy 2.000.000đ để bù lại điện thoại của T bị mất. Khi K chở L đi cầm cố điện thoại, anh N Đình D chỉ đồng ý cầm với số tiền

1.500.000đ thì T không đồng ý nên L cầm điện thoại về. T yêu cầu G gọi điện thoại cho mẹ là bà N Thị Thu Thuỷ để nói mẹ mang 2.000.000đ đến trả cho T, lúc này N nhặt 01 bình hoa bằng sành đe doạ đánh G. Do sợ bị đánh nên G thừa nhận việc lấy trộm điện thoại với bà Thuỷ nên bà Thuỷ nói chuyện với T xin cho G đi làm đến khi nào có lương thì G sẽ trả tiền cho T thì T đồng ý đồng thời T giữ điện thoại của G. Sau khi cầm điện thoại của G, T và L đã mang điện thoại đi cầm tại cửa hàng "ĐD" được số tiền 1.500.000đ và đã tiêu xài cá nhân hết.

Theo Kết luận định giá tài sản số 23 ngày 17/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản Tố tụng hình sự huyện Đồng Phú, kết luận: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme, model C55, màu đen, số imel 864213063969699 trị giá 3.672.000 đồng.

Hành vi dùng tay, dao và bình hoa bằng sành đe doạ bị hại mục đích để chiếm đoạt tài sản của bị hại của Bùi Tấn T, Thạch Quốc L và Đặng N đã có đủ yếu tố cấu thành tội Cướp tài sản theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự. Do đó, bản cáo trạng số 75/CT-VKS ngày 23/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú truy tố các bị cáo về tội Cướp tài sản theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự ra trước phiên tòa hôm nay là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với Nguyễn Thanh G, Nguyễn Ngọc T1 có hành vi chiếm đoạt 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, chủng loại Iphone 6 plus (16 GB), màu vàng của Bùi Tấn T vào ngày 29/01/2023 nhưng trị giá tài sản chiếm đoạt dưới 4.000.000đ. Tuy nhiên, G chưa có tiền án, tiền sự về hành vi chiếm đoạt tài sản nên hành vi của G không cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Công an huyện Đồng Phú đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với G nên Hội đồng xét xử không xem xét, xử lý.

Đối với Nguyễn Ngọc T1 hiện nay đã bỏ đi khỏi địa phương Cơ quan điều tra chưa làm việc được với T1, tách ra xác minh xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Nguyễn Minh T2 đã có hành vi tiêu xài chung số tiền do Nguyễn Thanh G, Nguyễn Ngọc T1 cầm cố chiếc điện thoại chiếm đoạt của Bùi Tấn T nhưng hành vi của G không cấu thành tội phạm, đồng thời T2 chưa có tiền án, tiền sự về hành vi chiếm đoạt tài sản nên hành vi của T2 không cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Công an huyện Đồng Phú đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với T2 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Bùi Tấn T, Thạch Quốc L và Đặng N có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 09/5/2023 Công an huyện Đồng Phú đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Nguyễn Đình D có hành vi nhận cầm cố chiếc điện thoại hiệu Realme C55, màu đen do các bị cáo chiếm đoạt của bị hại G nhưng anh D không biết là tài sản nhận cầm cố là do các bị cáo phạm tội mà có nên hành vi của anh D không cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với anh Đinh Văn K có hành vi chở Thạch Quốc L đi cầm cố chiếc điện thoại của Nguyễn Thanh G nhưng do K bị ép buộc và cũng không được hưởng lợi gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với bà Mai Thị T3 có hành vi cầm cố chiếc điện thoại Iphone 6 plus, màu vàng do Nguyễn Thanh G và Nguyễn Ngọc T2 chiếm đoạt của Bùi Tấn T nhưng bà T3 không biết là tài sản do G, Thảo chiếm đoạt của người khác và chiếc điện thoại bà T3 cũng đã bán cho người khác không rõ lai lịch và không thu hồi được nên không đề cập đến việc xử lý.

Đối với Bùi Tấn T, Thạch Quốc L và Đặng N có hành vi giữ và yêu cầu Nguyễn Thanh G đi theo nhưng mục đích là để làm rõ việc mất trộm điện thoại của T, đồng thời G cũng tự nguyện đi cùng các bị cáo. Do đó, hành vi của các bị cáo T, L, N không cấu thành tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" nên Hội đồng xét xử không đề cập đến việc xử lý.

Đối với Bùi Tấn T có hành vi gọi điện thoại yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu T đưa số tiền 2.000.000đ nhưng mục đích là bồi thường số tiền do Nguyễn Thanh G đã chiếm đoạt điện thoại của T. Hành vi của T không cấu thành tội "Cưỡng đoạt tài sản" nên Hội đồng xét xử không đề cập đến việc xử lý.

Đối với bị hại G bị thương tích nhẹ sau khi bị Bùi Tấn T đánh, đe dọa để chiếm đoạt tài sản nhưng G không yêu cầu xử lý nên Hội đồng xét xử không đề cập đến việc xử lý.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và hình phạt đối với các bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng rất xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương. Các bị cáo nhận thức được hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo vẫn thực hiện hành vi của mình với lỗi cố ý. Vì vậy cần phải có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[4] Xét vai trò, nhân thân các bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đây là vụ án mang tính đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Bùi Tấn T là người khởi xướng việc chiếm đoạt tài sản, thực hành tích cực và trực tiếp yêu cầu bị hại giao nộp tài sản nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự nghiêm khắc hơn so với 2 bị cáo còn lại. Đối với bị cáo L và bị cáo N: Sau khi T khởi xướng và rủ các bị cáo tham gia thì các bị cáo đã tiếp nhận ý chí, bị cáo N có hành vi túm cổ áo của bị hại, dùng bình hoa bằng sành đe doạ gây thương tích cho bị hại, bị cáo L giúp bị cáo T lấy con dao để đe dọa bị hạinhằm mục đích chiếm đoạt tài sản. Do đó, bị cáo N phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo L và thấp hơn bị cáo T .

Xét về nhân thân: Các bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi và trả cho bị hại, bị hại có một phần lỗi khi chiếm đoạt điện thoại của bị cáo T. Thời điểm thực hiện hành vi phạm tội và xét xử, các bị cáo là người chưa đủ 18 tuổi trình độ nhận thức và am hiểu về pháp luật còn hạn chế nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, đồng thời, Hội đồng xét xử áp dụng "Nguyên tắc xử lý đối với người đưới 18 tuổi phạm tội" quy định tại Điều 91 Bộ luật hình sự 2015 khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 6 Điều 168 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, các bị cáo là người dưới 18 tuổi phạm tội vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

01 điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng, số Imei 355679071819942; 1 điện thoại di động hiệu Samsung màu tím, số Imei 35470011293563 là tài sản hợp pháp của bị cáo T, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo.

01 con dao dài 31cm, cán bằng nhựa màu xanh dài 10cm, lưỡi bằng kim loại màu đen dài 21cm, bản lưỡi rộng 4,2cm; 01 cục đá, dạng đá tổ ong, kích thước không xác định, chiều dài nhất 11,5cm, phần rộng nhất 08cm và 11 mảnh vỡ bằng sành, màu cam, nhiều hình dạng không xác định là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu huỷ.

Đối với các vật chứng khác, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đồng Phú đã xử lý đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Qúa trình giải quyết vụ án, bị hại đã nhận lại được tài sản, không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với anh Nguyễn Đình D: là người cầm điện thoại của bị hại cho các bị cáo số tiền 1.500.000đ. Sau khi xảy ra sự việc, anh D đã tự nguyện giao nộp điện thoại cho Cơ quan Công an để trả lại cho bị hại; gia đình các bị cáo đã bồi thường cho anh D số tiền 1.500.000đ, anh D không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Đối với ý kiến tranh luận của người bào chữa cho bị cáo T, L, và N đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự và tuyên xử bị cáo N hình phạt dưới khung: Hội đồng xét xử nhận thấy, tuy các bị cáo tuổi còn nhỏ nhưng bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội rất nguy hiểm, các bị cáo chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên không đủ điều kiện để áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự. Do đó, yêu cầu của người bào chữa cho bị cáo T, L, và N đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự và tuyên xử bị cáo N hình phạt dưới khung hình phạt là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[10] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo và việc xử lý vật chứng là phù hợp được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Bùi Tấn T, Thạch Quốc L và Đặng N phạm tội "Cướp tài sản".

- Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, các Điều 17, 50, 58, 90, 91 và Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Bùi Tấn T 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/5/2023.

Xử phạt bị cáo Thạch Quốc L 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/5/2023.

Xử phạt bị cáo Đặng N 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/5/2023.

- Về xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015:

Trả lại cho bị cáo Bùi Tấn T 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng, số Imei 355679071819942; 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu tím, số Imei 35470011293563;

Tịch thu, tiêu huỷ 01 con dao dài 31cm, cán bằng nhựa màu xanh dài 10cm, lưỡi bằng kim loại màu đen dài 21cm, bản lưỡi rộng 4,2cm; 01 cục đá, dạng đá tổ ong, kích thước không xác định, chiều dài nhất 11,5cm, phần rộng nhất 08cm và 11mảnh vỡ bằng sành, màu cam, nhiều hình dạng không xác định.

- Về án phí:

Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Các bị cáo Bùi Tấn T, Thạch Quốc L và Đặng N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Đối với bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do vắng mặt tại phiên tòa nên thời hạn kháng cáo bản án tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Đồng Phú;
- Bị cáo và đương sự;
- Bộ phận HSNV CA Đồng Phú;
- Phòng HSNC CA tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS huyện Đồng Phú;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hằng